

Bản án số: 618/2023/DS-PT

Ngày: 30/5/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Thơ

Ông Phạm Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân
dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số
A2/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 453/2022/DS-ST ngày 20/B/2022 của Tòa
án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60A/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng
5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Gia P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Thạch Vũ Thùy L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Võ Thanh L1, sinh năm 1952

Địa chỉ: Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị Anh P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Ông Lê Gia P – Nguyên đơn; bà Thạch Vũ Thùy L –
Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Gia P trình bày: Ông và bà L là bạn học. Do nhu cầu kinh doanh nên bà L đã vay của ông P số tiền 13.500.000.000 đồng từ ngày 04/1/2010 đến ngày 23/01/2010 theo 3 biên nhận.

Ngày 01/3/2010, bà L và ông P lập hợp đồng vay tiền thay thế cho 3 biên nhận trên và bà L giữ 3 biên nhận này, thời gian vay là 9 tháng, lãi suất 2.5%/tháng.

Sau khi ký hợp đồng, bà L không trả lãi cho ông P.

Ngày 03/3/2010, hai bên ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2010 nhưng ông P không nhận tiền gốc và lãi suất như nội dung của biên bản thanh lý.

Ngày 10/3/2010, bà L ký giấy xác nhận có nợ của ông P 13.500.000.000 đồng, lãi suất 2.5%/tháng và bà L đã nhận đủ tiền của ông P.

Đã hết thời hạn vay nên ông P khởi kiện yêu cầu bà L trả cho ông P tiền nợ gốc là 13.500.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/3/2010 đến ngày 20/8/2022 là 28.563.750.000 đồng.

Bị đơn bà Thạch Vũ Thùy L có ông Tống Thanh Hải là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/3/2010, bà L có ký hợp đồng vay số tiền 13.500.000.000 đồng của ông P nhưng các bên đã ký hợp đồng thanh lý vào ngày 03/3/2010,

Ngày 10/3/2010, ông P ký xác nhận bà L đã giao cho ông P 20.000.000.000 đồng (trong đó có 13.500.000.000 đồng bà L trả nợ theo hợp đồng và 6.500.000.000 đồng bà L cho ông P vay). Như vậy, bà L không còn nợ ông P nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày A/B/2011, bà L có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông P trả cho bà L 800.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 03/11/2010 do ông P lập và tiền lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thanh L1 trình bày:

Bà là mẹ của Thạch Vũ Thùy L, bà không biết việc vay tiền giữa bà L với ông P nên bà không liên quan đến vụ án. Bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh P trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Gia P. Số tiền ông P cho bà L vay là tiền riêng của ông P, không phải tài sản chung của vợ chồng. Bà không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 453/2022/DS-ST ngày 20/B/2022 của Tòa án nhân dân quận T đã tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 28/B/2022, nguyên đơn ông Lê Gia P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Sau đó, ngày 30/B/2022 bị đơn bà Thạch Vũ Thùy L cũng có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Gia P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông P đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà L trả nợ gốc 13.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 1/3/2010 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 20/B/2022) với số tiền là 28.563.750.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định bà Thạch Vũ Thùy L rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đồng thời bà L đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Gia P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật; những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ các hồ sơ có trong vụ án, xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Gia P là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn rút yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Gia P và bị đơn là bà Thạch Vũ Thùy L làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thanh L1 và bà Nguyễn Thị Anh P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Gia P:

Ông Lê Gia P cho rằng trong khoảng thời gian từ ngày 04/01/2010 đến ngày 23/01/2010, ông P đã đưa cho bà L tổng số tiền vay là 13.500.000.000 đồng (thông qua các giấy biên nhận ngày 04/01/2010, A/01/2010 và ngày 23/01/2010). Sau đó bà L và ông P lập hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2010 thay thế cho các biên nhận tiền nêu trên, thỏa thuận vay 13.500.000.000, lãi suất 2.5%/tháng.

Đến ngày 3/3/2010, hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng vay tiền với nội dung ông P đã nhận toàn bộ số tiền vay và tiền lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2010.

Vào ngày 10/3/2010 và ngày 15/3/2010, bà L lập giấy xác nhận trong đó thể hiện bà L vay lại của ông P số tiền 13.500.000.000 đồng, lãi suất 2.5%/tháng.

Cùng ngày 10/3/2010, ông P ký giấy xác nhận đã nhận của bà L 20.000.000.000 đồng (trong đó bà L trả 13.500.000.000 đồng theo hợp đồng vay và ông P vay của bà L 6.500.000.000 đồng)

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát thì chữ ký trong các hợp đồng vay tiền, hợp đồng thanh lý, giấy xác nhận nợ đều đúng chữ ký của các bên. Tuy nhiên, ông P không cung cấp được chứng từ thể hiện việc giao nhận số tiền vay nêu trên. Bà L cũng không thừa nhận có nhận tiền vay của ông P. Hơn nữa, bản thân ông P cũng xác nhận ông P ký hợp đồng thanh lý ngày 03/3/2010 có nội dung ông P đã nhận đủ số tiền vay và tiền lãi từ bà L nhưng thực tế bà L không đưa tiền cho ông, các bên chỉ ký trên giấy tờ. Bà L thì xác định có ký hợp đồng vay tiền nhưng ông P cũng chưa giao tiền cho bà L. Vào ngày 10/3/2010, ông P thừa nhận có ký giấy xác nhận nội dung đã nhận của bà L 20.000.000.000 đồng nhưng chỉ ký trên giấy tờ, bà L không giao tiền cho ông P.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Gia P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông P đã giao số tiền 13.500.000.000 đồng cho bà L theo hợp đồng vay tiền nêu trên.

Tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Xét ông Lê Gia P và bà Thạch Vũ Thùy L có thoả thuận vay tiền nhưng ông P chưa giao tiền cho bà L nên bà L không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vay và tiền lãi cho ông P. Vì vậy, ông Lê Gia P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền vay 13.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông P là đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của ông Lê Gia P là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Thạch Vũ Thùy L:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn đồng ý việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn. Việc rút đơn của bà L là tự nguyện, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo của bà L và hủy một phần bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 299, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

- Ông Lê Gia P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

- Bà Thạch Vũ Thùy L phải chịu 50% án phí dân sự phúc thẩm do rút yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

Điều 296, Điều 299, Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Gia P.
2. Đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo của bà Thạch Vũ Thùy L.

3. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 453/2022/DS-ST ngày 20/B/2022 của Tòa án nhân dân quận T:

3.1 Bác yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Gia P về việc buộc bà Thạch Vũ Thùy L trả nợ gốc là 13.500.000.000 đồng (Mười ba tỉ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/3/2010 đến ngày 20/B/2022 là 28.563.750.000 đồng (Hai mươi tám tỉ năm trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

3.2 Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Vũ Thùy L về yêu cầu buộc ông Lê Gia P trả số tiền vay là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 18/11/2010 đến ngày 20/B/2022 là 870.400.000 đồng (Tám trăm bảy mươi triệu bốn trăm ngàn đồng).

3.3 Về án phí:

- Ông Lê Gia P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.063.750 đồng (Một trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.268.750 đồng (Sáu mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 07463 ngày A/11/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, ông P còn phải nộp thêm số tiền là 87.795.000 đồng (Tám mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng) tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Bà Thạch Vũ Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 62.1B.000 đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm mười hai ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo biên lai thu số 07777 ngày 09/01/20B của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, bà L còn phải nộp thêm số tiền là 44.1B.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm mười hai ngàn đồng) tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lê Gia P phải chịu 300.000 (Ba trăm) ngàn đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008596 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Ông P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm;

- Bà Thạch Vũ Thùy L phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi) ngàn đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008586 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Hoàn trả cho bà L số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi) ngàn đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008586 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thế Trọng